

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 98/2024/HS-ST
Ngày: 15/4/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Huynh

Ông Nguyễn Việt Chiến

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Hạnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 51/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Tồn N, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2002, tại CB; nơi đăng ký thường trú: Xóm LC, xã HG, huyện BL, tỉnh CB; Nơi ở hiện tại: không có nơi ở cố định; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Dao đỏ; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Hoàng Sùn P, sinh năm 1984 và bà Xiêm Mùi L, sinh năm 1970; vợ: Phùng Mùi S, sinh năm 1997, có 02 con con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Phạm Thu H, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ dân phố số W, MTT, phường MT, quận NTL, thành phố HN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Tồn N là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định. Ngày

08/12/2023, N đi xe khách từ huyện BL, tỉnh CB xuống Hà Nội để tìm việc và đến quán café “Hát cho nhau nghe xxxx” (địa chỉ: số X ngõ Y ĐM, phường MT, NTL, HN) của chị Phạm Thu H xin việc và được chị H nhận vào làm nhân viên bưng bê đồ uống tại quán. Sau đó, do N mới đi làm được vài ngày nhưng đã xin ứng lương, làm việc không đạt hiệu quả và hay dùng điện thoại của quán để chơi trong giờ làm việc nên ngày 18/12/2023, chị H đã không đồng ý cho N làm việc nữa và thông báo cho N nghỉ việc. Sau khi chị H thông báo cho N nghỉ việc, vào lúc 16 giờ cùng ngày, N tan ca làm việc và rời khỏi quán café của chị H để về.

Sau khi nghỉ việc, do trong quá trình làm tại quán, N biết chị H thường để chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11S màu xanh lấp 02 sim số 092xxxx686 và số 098xxxx248 tại quầy thu ngân để nhân viên quán sử dụng nhận order đồ uống từ khách hàng và biết sau khi quán đóng cửa, chiếc điện thoại trên sẽ được để lại ở quầy thu ngân của quán mà không có ai quản lý, sử dụng nên N nảy sinh ý định quay lại quán để trộm cắp điện thoại.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, N quay lại quán café của chị H để chơi với mục đích lợi dụng sơ hở sẽ trộm cắp chiếc điện thoại trên. N ngồi đợi đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì khách về hết và chị Bàn Ngọc M (Sinh năm 1997; HKTT: NM, VC, YB), là nhân viên quán đã cất chiếc điện thoại vào ngăn kéo bàn quầy thu ngân và dọn dẹp quán để đợi anh Vũ Văn L1 (sinh năm 1985; HKTT: VC, HL, HT, TH - là bạn của chị H) đến để trông quán cho chị H và sau khi chị M nhìn thấy anh L1 đến quán thì ra về. Lúc này, N vẫn còn đứng ở trong quán nên N đã lợi dụng lúc chị M đi về và anh L1 không để ý, N đã lấy chiếc điện thoại từ trong ngăn kéo bàn của quầy thu ngân cất vào túi quần bên phải đang mặc và bỏ đi ra ngoài.

Đến khoảng 16 giờ ngày 19/12/2023, N cầm theo chiếc điện thoại trộm cắp được của quán và bắt xe đi về Nam Định. Tại đây, N đã tháo 02 sim đang lắp trong chiếc điện thoại Redmi Note 11S màu xanh ra cho vào túi áo (sau đó đã bị rơi mất 01 sim điện thoại số 098xxxx248) và giữ lại điện thoại này để sử dụng. Đến sáng ngày 19/12/2023, chị H và nhân viên của quán đến bán hàng thì phát hiện bị mất chiếc điện thoại nên đã kiểm tra camera của quán thì phát hiện việc N lấy trộm điện thoại. Chị H sau đó đã liên lạc với N để hỏi nhưng do không liên lạc được với N nên chị H đã làm đơn tố giác việc N trộm cắp tài sản gửi Công an phường Mỹ Trì.

Ngày 03/01/2024, cơ quan Công an đã triệu tập N đến trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Tồn N khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11S màu xanh số imei 1: 86xxxxxxxx14380, số imei 2: 86xxxxxxxx14398 và 01 sim điện thoại số 092xxxx686.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 16 ngày 12/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận Nam Từ Liêm, xác định: *Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11S màu xanh và 02 sim điện thoại cũ đã qua sử dụng trị giá 2.550.000 đồng.*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành rà soát camera tại quán café “Hát cho nhau nghe xxxx”, xác định quán có camera nhưng kiểm tra không lưu lại dữ liệu. Chị Phạm Thu H cho biết chị cũng không sao lưu lại đoạn dữ liệu ghi nhận hình ảnh N trộm cắp tài sản tại quán vào ngày 18/11/2023.

Cơ quan điều tra đã xác minh và làm việc với anh Vũ Văn L1, xác định anh L1 là người quen của chị H, chị H có nhờ anh L1 đến để khóa cửa hoặc ngủ lại trông quán café mỗi khi chị H bận việc, anh L1 không chịu trách nhiệm về tài sản nên xác định bị hại trong vụ án là chị Phạm Thu H.

Ngày 21/02/2024, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trao trả cho chị Phạm Thu H chiếc điện thoại đã thu giữ cùng 01 sim điện thoại số 092xxxx686. Chị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường về dân sự.

Lời khai nhận tội của Hoàng Tồn N phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSNTL, ngày 13/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố Hoàng Tồn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Tồn N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách từ 18 đến 24 tháng tù; Về hình phạt bổ sung: không áp dụng. Về tang vật và dân sự: không. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng được thu giữ, cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 23 giờ ngày 18/12/2023, tại quán café “Hát cho nhau nghe xxxx” số X ngõ Y ĐM, phường MT, quận NTL, thành phố HN, Hoàng Tồn N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 11s màu xanh (có lắp 02 sim điện thoại) trị giá 2.550.000 đồng của chị Phạm Thu H.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an xã hội; bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người trưởng thành không chịu khó lao động, tu dưỡng bản thân mà tìm lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản đã chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân thể hiện thái độ lười lao động và coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy cần xét xử nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo không có nơi ở cố định nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ khả năng cải tạo giáo dục bị cáo và đảm bảo cho việc thi hành án.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thu H đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tang vật: không.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí; bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Tồn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Tồn N **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TP. Hà Nội;
- VKSND.Q. Nam Từ Liêm;
- Công an Q. Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS.Q. Nam Từ Liêm;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp TP. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Quỳnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu HS - VP

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Quỳnh